

Bản án số: 26/2020/HS-ST

Ngày: 27/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K- TỈNH NINH BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa** : Ông Nguyễn Hữu Mạnh.
- **Các Hội thẩm nhân dân** : Ông Vũ Đức Bính và bà Trần Thị Lệ Dung.
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa**: Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2020/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HS ngày 15/5/2020 đối với bị cáo :

Họ và Tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 2000.

Nơi ĐKKTT và trú tại: khối 11, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V1 và bà Bùi Thị L; vợ, con: chưa có ; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

* Người bị hại: Ông Nguyễn Huy V, sinh năm 1974; Trú tại xóm 9, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1971 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1972; Đều trú tại khối 11, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt bà L vắng mặt ông V1);

* Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H và chị Phạm thị N (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 9 giờ ngày 29/01/2020, Nguyễn Văn T được Nguyễn Huy C rủ đến nhà ở xóm 9, xã C để ăn lẩu. Lợi dụng lúc C nhờ coi nhà để đi chợ, nhà C không có ai ở nhà, T vào phòng ngủ của ông V là bố đẻ của C lục đồ đạc, mở ngăn kéo bàn làm việc thấy có hai buộc tiền gồm một buộc loại tiền 200.000đ và một buộc loại tiền 10.000đ,

T nảy sinh ý định trộm cắp vì vậy đã rút 13 tờ loại 200.000đ bỏ vào túi áo khoác rồi ra ngoài nhà ngồi xem phim. Số tiền trên T đã tiêu sài cá nhân hết.

Tiếp theo, khoảng 8 giờ ngày 31/01/2020, T điều khiển xe mô tô đến nhà ông V để tìm C. Khi đến nơi, T thấy nhà ông V cổng khép nhưng không khóa, T đứng ở cổng gọi nhưng không thấy ai trả lời, T đẩy cổng đi vào trong thấy cửa nhà không khóa nhưng không có ai ở nhà, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, T đi thẳng vào phòng ngủ của ông V đến vị trí ngăn kéo hôm trước đã lấy trộm tiền lấy hết buộc tiền loại 10.000đ và rút một nửa buộc tiền loại 200.000đ cho vào túi áo đang mặc, còn một nửa buộc tiền 200.000đ còn lại T để lại vào ngăn kéo bàn và đóng lại, sau đó T rời khỏi nhà ông V. Số tiền trên T đã tiêu sài hết 70.000đ. Khoảng 11 giờ cùng ngày khi đi làm về, ông V phát hiện bị mất tiền nên đã trình báo cơ quan công an. Cơ quan điều tra công an huyện K triệu tập T làm việc, bị cáo đã tự giác giao nộp số tiền 2.820.000đ là tiền trộm cắp của ông V còn lại, đồng thời khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 28/4/2019 VKSND huyện K đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 36 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 - 15 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ và biện pháp tư pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các lời khai trước đây tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình gây ra. Nội dung bị cáo khai, khoảng 9 giờ ngày 29/01/2020 bị cáo đến nhà anh Nguyễn Huy C ở xóm 9, xã C để ăn lẩu theo lời mời của anh C. Khi bị cáo đến thì chỉ có một mình anh C ở nhà, anh C nhờ bị cáo coi nhà giúp để anh đi chợ. Trong lúc coi nhà giúp anh C, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp nên đã vào phòng ngủ của ông V bỏ anh C lục lọi, thấy trong ngăn kéo bàn làm việc có hai buộc tiền gồm một buộc loại 200.000đ để ở trên và một buộc loại 10.000đ để bên dưới, bị cáo đã rút một phần tiền trong buộc loại 200.000đ bỏ vào túi, sau đó để các buộc tiền lại như cũ. Số tiền trên sau khi về nhà, trong quá trình tiêu sài bị cáo mới biết là có 13 tờ, tổng trị giá 2.600.000đ. Đến sáng 31/01/2020 bị cáo đi xe mô tô đến nhà anh C, thấy cửa không khóa, bị cáo đứng ngoài cửa gọi không thấy ai trả lời, bị cáo mở cổng đi đến phòng anh C thấy cửa không khóa và không thấy có ai ở nhà, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo đi vào phòng ông V mở ngăn kéo bàn lấy hết buộc tiền loại 10.000đ và rút một nửa số tiền trong buộc loại 200.000đ bỏ vào túi áo, số tiền loại 200.000đ còn lại bị cáo để lại vào ngăn kéo, sau đó rời khỏi nhà ông V và đã tiêu sài hết 70.000đ trong số tiền này, số tiền còn lại là 2.820.000đ. Khi bị cơ quan công an triệu tập làm việc bị cáo đã thừa

nhận hành vi phạm tội của mình và tự giác giao nộp số tiền 2.820.000đ còn lại, đồng thời tự thú về hành vi trộm cắp 2.600.000đ của ngày hôm trước. Tổng cộng hai lần trộm cắp bị cáo lấy được của ông V số tiền là 5.490.000đ.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; Phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản sự việc, sơ đồ hiện trường, biên bản tạm giữ tang vật,...

[2] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận, với hành vi trộm cắp tài sản của người khác có giá trị 5.490.000đ, bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ. Lợi dụng người bị hại có sơ hở trong việc trông coi tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của họ phục vụ cho việc tiêu sài của bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần ngăn chặn những hành vi phạm tội tương tự có thể xảy ra trên địa bàn.

[3] Bị cáo thực hiện hai lần hành vi phạm tội vì vậy phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có chủ định từ trước mà do bột phát, sau đó đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, tự giác giao nộp lại số tiền trộm cắp cho cơ quan công an, đồng thời tự thú về hành vi phạm tội trước đó; thông qua gia đình bị cáo đã bồi thường đầy đủ số tiền trộm cắp cho người bị hại, được người bị hại làm đơn xin miễn trách nhiệm hình sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo không lớn, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy HĐXX xét thấy không cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội mà nên cho bị cáo được cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện để bị cáo tự sửa chữa lỗi lầm. Tuy nhiên vẫn cần phải khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo để tăng tính giáo dục.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ông V (người bị hại) đã được bị cáo và gia đình bồi thường toàn bộ số tiền 5.490.000đ mà bị cáo trộm cắp, đến nay ông V không có yêu cầu gì thêm về việc bồi thường, vì vậy trách nhiệm dân sự đối với bị cáo không cần xem xét đến nữa.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý xong một số vật chứng trong vụ án bao gồm trả lại cho ông Nguyễn Văn V chiếc xe mô tô BKS 35H8 – 0505. Hiện nay cơ quan điều tra còn chuyển đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện K số tiền 2.820.000đ do bị cáo T nộp. Đây là tiền bị cáo trộm cắp của người bị hại, lẽ ra phải trả lại cho ông V, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bố mẹ bị cáo là ông Nguyễn Văn V1, bà Bùi Thị L đã bồi thường thay cho bị cáo toàn bộ số tiền bị cáo đã trộm cắp của ông V vì vậy cần trả lại số tiền trên cho bố mẹ bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hoàn toàn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b,r,s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 36 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo T tính từ ngày UBND thị trấn B nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+ Áp dụng Điều 47 BLHS; Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Thị L số tiền 2.820.000đ đã thu giữ từ bị cáo T (Số tiền 2.820.000đ hiện đang được bảo quản tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

+ Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người có quyền nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND TT. B;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nv liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh